



1129 Series — BÁNH XE Y TẾ

Đường kính bánh xe PPR(Ngọc trai màu xám đậm) cổ điển × chiều rộng bánh xe 125 x 31mm

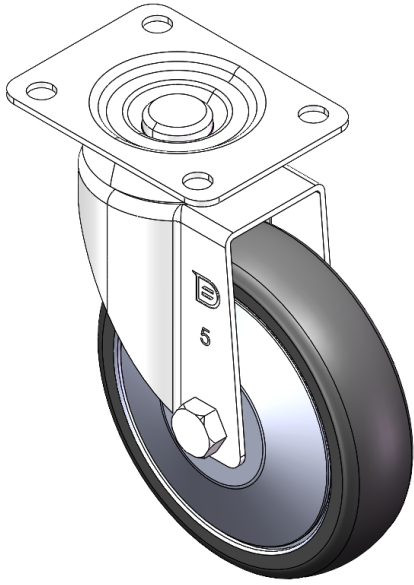
EAN

YJ-11290500262023

Bánh xe di chuyển, chân máy dập đinh tán tấm đáy - lỗ y tế  
Bề mặt mạ kẽm, lắp đặt tấm đế  
Lõi bánh xe bằng polypropylene chống va đập, mặt bánh xe bằng chất đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)  
Pearlite màu xám đen, vòng bi bánh xe - bi chính xác.

Mặt bánh xe: Cao su nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Lõi bánh xe: Được làm bằng polypropylen chống va đập chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

Quy cách chi tiết sản phẩm

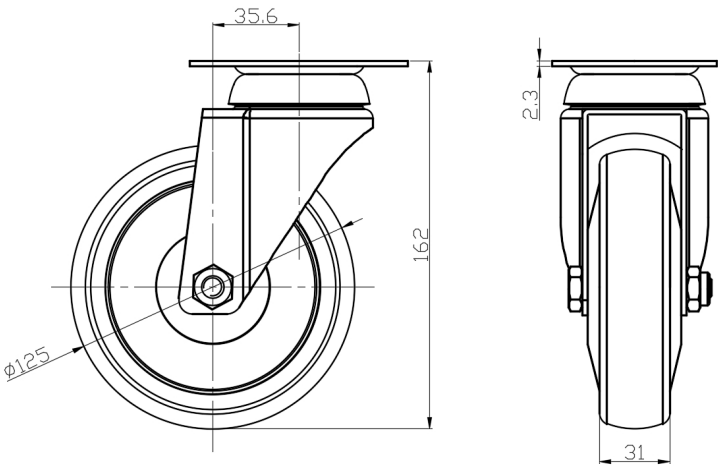
☒ đơn vị mét ☐ đế quốc

|                                 |                             |
|---------------------------------|-----------------------------|
| Đường kính bánh xe              | 125mm                       |
| Chiều rộng bánh xe              | 31mm                        |
| vòng bi bánh xe                 | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                | 95 x 72.5mm                 |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền | 72.2 x 53.5mm               |
| Khoảng cách các lỗ lắp          | 10mm                        |
| Độ lệch tâm                     | 35.6mm                      |
| Sự can thiệp quay               | 201mm                       |
| Tổng chiều cao                  | 162mm                       |
| Bán kính xoay                   | 100.5mm                     |
| Độ cứng                         | 82±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                | 110kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                | 165kgs                      |
| Nhiệt độ                        | -20°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                    | Xoay                        |
| Thép không gỉ                   | N/A                         |
| Dẫn điện                        | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                 | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy         | 0.85kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm          | ISO22883                    |

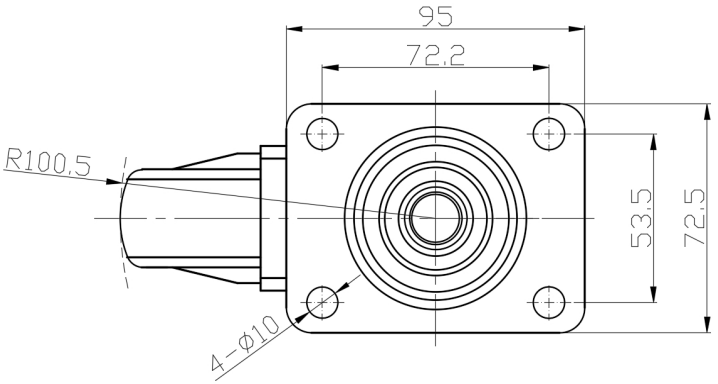
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ○ |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ● ● |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét